

Số: 02/2018/QĐST-DS

Long An, ngày 08 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 82/2017/TLST-DS ngày 07/3/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 3, đường N, Phường 2, thành phố T, Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

3.2 Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 3, đường N, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An

3.3 Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1927.

3.4 Bà Phạm Thị C, sinh năm 1925.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

3.5 Văn phòng Công chứng M.

Địa chỉ: Số 262, Quốc lộ 62, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Trưởng Văn phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu S - Chuyên viên Văn phòng. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2017).

3.6 Ủy ban nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Đ – Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Công Đ: Ông Ngô Hoàng T – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền số 3005/UBND-NC ngày 11/12/2017)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Phan Văn T được quyền sử dụng 492m² đất (Khu B) và 32,4m² đất (Khu C), loại đất Thổ, thuộc một phần thửa số 610, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo Bản vẽ phân khu thuộc Khu B và Khu C theo Mảnh trích đo địa chính số 27–2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 09/4/2018 và được Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 12/4/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 27–2017 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 22/8/2017 và được Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 09/10/2017).

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu L giao phần đất thuộc Khu B và Khu C nói trên cho ông Phan Văn T.

Ông Phan Văn T có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu B và Khu C nói trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 37,6m² đất (Khu D), loại đất Thổ, thuộc một phần thửa số 610, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Bình T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo Bản vẽ phân khu thuộc Khu D theo Mảnh trích đo địa chính số 27–2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 09/4/2018 và được Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 12/4/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 27–2017 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 22/8/2017 và được Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 09/10/2017).

Buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L giao cho ông Nguyễn Văn V phần đất thuộc Khu D nói trên.

Ông Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu D nói trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn V được Văn phòng Công chứng M công chứng ngày 07/8/2013 đối với các Khu B, Khu C và Khu D nói trên, thuộc một phần thửa số 610, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

5. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 718027 do Ủy ban nhân dân thành phố Tân An cấp cho ông Nguyễn Văn V ngày 04/9/2013 đối với các Khu B, Khu C và Khu D nói trên, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 610, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

6. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 100215 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An) cấp cho ông Nguyễn Văn V ngày 10/3/2003 đối với đối với các Khu B, Khu C và Khu D nói trên, loại đất Vườn, thuộc một phần thửa số 610, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

7. Về án phí:

Do ông Phan Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1955, tính đến nay ông T và bà L đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009. Do đó, ông T và bà L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho ông Phan Văn T 1.045.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000686 ngày 07/3/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Phan Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000687 ngày 07/3/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

7. Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ): Tổng cộng là 9.100.000 đồng (chín triệu một trăm nghìn đồng), ông Phan Văn T tự nguyện nộp toàn bộ chi phí này và đã nộp xong.

III. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn